

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲ HỢP  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/7/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn của nam, nữ  
chung sống với nhau như vợ chồng mà  
không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Lê Văn Thanh.

2/ Ông Lương Văn Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Hồng Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Cao Cự Q**, sinh năm: 1969.

Trú tại: Khối MT, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Lê Thị K**, sinh năm: 1971.

Trú tại: Khối MT, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Cao Cự Q trình bày:

Ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Chung sống hạnh phúc một thời gian thì giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hòa hợp, không có sự thông cảm, thấu hiểu dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng không có hạnh phúc, hai bên sống ly thân đã hơn 10 năm, đến nay không còn tình cảm để hàn gắn, đoàn tụ, nên ông Cao Cự Q giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị K.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, giữa ông Quý và bà K có với nhau 02 người con chung tên là Cao Đại L, sinh ngày 26/01/1992 và Cao Cự L1, sinh ngày 23/7/1993. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, không còn sống phụ thuộc nên ông Q không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản và nợ chung: Ông Q và bà K đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không có tranh chấp gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị K trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà K và ông Q không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hai bên tổ chức cưới, hỏi theo phong tục, tập quán địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay chưa đi đăng ký kết hôn lại lần nào, sau khi mâu thuẫn xảy ra hai bên đã sống ly thân hơn 10 năm nay, hai bên không còn tình cảm để có thể quay trở lại chung sống, đoàn tụ nên bà K đồng ý giải quyết ly hôn với ông Cao Cự Q.

Trong thời gian sống chung, giữa bà K và ông Q có với nhau 02 người con chung là Cao Đại L, sinh ngày 26/01/1992 và Cao Cự L1, sinh ngày 23/7/1993. Hiện các con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, không còn sống phụ thuộc nên bà K không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về phần tài sản chung và nợ chung, hai bên không có tranh chấp gì nên bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi vụ án được đưa ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tham gia làm việc tại Tòa án theo giấy triệu tập, và tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9;14;53 Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Về quan hệ hôn nhân: Cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K.

Các con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, không còn sống phụ thuộc bố mẹ, các đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung nên đề nghị không xem xét giải quyết về con chung.

Ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên đề nghị không xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có mặt không có ý kiến trình bày và tranh luận gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay ông Q khởi kiện xin ly hôn với bà K, các con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành không yêu cầu giao nuôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về ly hôn của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” được quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị K cư trú tại khối MT, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, trong quá trình chung sống với nhau cho đến nay hai bên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau một thời gian xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến ly thân đã hơn 10 năm, hai bên xác định không còn tình cảm để hàn gắn, đoàn tụ cả hai đều có ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn. Do ông Q và bà K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân giữa hai bên không được pháp luật công nhận là hợp pháp, cần xét xử và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên.

[3] Về con chung: Hai người con chung Cao Đại L, sinh ngày 26/01/1992 và Cao Cự L1, sinh ngày 23/7/1993 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, không còn sống phụ thuộc, nên theo quy định của pháp luật Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Cao Cự Q và bà Lê Thị K.

2. Về con chung: Các con chung Cao Đại L, sinh ngày 26/01/1992 và Cao Cự L1, sinh ngày 23/7/1993 đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập.

3. Về án phí: Ông Cao Cự Q chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm

ứng án phí theo biên lai thu số: 0006858, ngày 25/15/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn. Các bên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Hà Văn Đông**